

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự Do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/LĐ-ST

Ngày: 12/9/2019

V/v tranh chấp đơn phương chấm
dứt hợp đồng lao động.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 2 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Lợi

2. Ông Lê Ngọc Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 2.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số thụ lý số 27/2019/TLST-LĐ ngày 09 tháng 5 năm 2018 về “Tranh chấp đơn phương chấm dứt hợp đồng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2019/QĐST-LĐ ngày 22 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Nguyễn Trí T, sinh năm 1984

Địa chỉ: phường T, Thành phố B, tỉnh Đ

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Lý Ngọc T1, sinh năm 1982; Địa chỉ: phường Q, Thành phố B, tỉnh Đ; Là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 12/11/2018).

2. Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ H(gọi tắt Công ty H)

Địa chỉ: Khu D, phường A, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Bà Liêu Mỹ H, sinh năm 1988; Địa chỉ: phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền ngày 20/7/2019).

Ông Lý Ngọc T1, bà Liêu Mỹ H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn-ông Nguyễn Trí T có ông Lý Ngọc T1 là người đại diện hợp pháp trình bày:

Ngày 01/11/2016, ông Nguyễn Trí T và Công ty H có bà Nguyễn Thị Thu T là đại diện theo pháp luật cùng thống nhất thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động số 15/2016/HĐLD. Theo hợp đồng lao động đã ký kết đây là loại hợp đồng lao động xác định thời hạn 01 năm, có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2016, là nhân viên tài xế, công việc theo sự phân công của Ban Giám đốc, mức lương và phụ cấp là 7.000.000 (Bảy triệu) đồng/ 01 tháng bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng Vietcombank. Sau khi ký kết hợp đồng lao động trên, ông T vào làm việc cho Công ty H và luôn hoàn thành tốt công việc được giao. Khi hết hạn hợp đồng, Công ty H không ký kết hợp đồng lao động mới nhưng vẫn yêu cầu ông T làm việc bình thường như hợp đồng lao động đã ký kết. Ngày 22/3/2018, Công ty H đơn phương ra Quyết định số 09/2018/QĐ về chấp nhận cho nhân viên thôi việc để chấm dứt hợp đồng lao động với ông T dù không được sự đồng ý của ông T. Ông T cũng đã nhận Quyết định thôi việc số 09/2018/QĐ vào ngày 22/3/2018.

Do Công ty H đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với ông T nên ông T yêu cầu Công ty H:

- Nhận ông Nguyễn Trí T trở lại làm việc;
- Trả cho ông Nguyễn Trí T tiền lương trong những ngày ông T không làm việc (Từ ngày 22/3/2018 tạm Th đến ngày 20/8/2019) là 17 tháng, tương ứng với số tiền 17 tháng x 7.000.000 đồng = 119.000.000 (Một trăm mười chín triệu) đồng;
- Bồi thường cho ông T 02 tháng tiền lương tương ứng là 2 tháng x 7.000.000 đồng = 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng;

Tổng cộng số tiền Công ty trả cho ông T là 133.000.000 (Một trăm ba mươi ba triệu) đồng.

Ngoài ra, Công ty H đã chốt sổ bảo hiểm đến tháng 3/2018 và trả sổ bảo hiểm cho ông T nên ông T không yêu cầu Công ty H toán số tiền bảo hiểm (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế) trong những ngày ông T không được làm việc và không có yêu cầu nào khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Công ty H có bà Liêu Mỹ H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 01/11/2016, ông Nguyễn Trí T và Công ty H có bà Nguyễn Thị Thu T là đại diện theo pháp luật cùng thống nhất thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động số 15/2016/HĐLD. Theo hợp đồng lao động đã ký kết đây là loại hợp đồng lao động xác định thời hạn 01 năm, có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2016, là nhân viên tài xế, công việc theo sự phân công của Ban Giám đốc, mức lương và phụ cấp là 7.000.000 (Bảy triệu) đồng/ 01 tháng bằng hình thức chuyển khoản ngân hàng Vietcombank.

Trong quá trình làm việc, ông T thường xuyên không hoàn thành công việc được giao nhưng Công ty H không lập biên bản về việc này. Từ ngày 01/3/2018 đến ngày 22/3/2018 Công ty H đã nhiều lần thuyết phục ông T để ông T lái xe cho

Công ty Hana Trans tại Quận 7 nhưng ông T vẫn không đồng ý làm việc và trong khoảng thời gian này, mặc dù ông T không làm việc nhưng Công ty H vẫn trả lương cho ông T theo mức lương 4.500.000 (Bốn triệu năm trăm nghìn) đồng/ 01 tháng. Do ông T thường xuyên không hoàn thành công việc được giao nên ngày 22/3/2018, Công ty H ban hành Quyết định số 09/2018/QĐ về việc chấp nhận cho nhân viên thôi việc để chấm dứt hợp đồng lao động với ông T và ông T đã nhận được Quyết định trên vào ngày 22/3/2018.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, Công ty H đồng ý nhận ông T trở lại làm việc còn các yêu cầu buộc Công ty trả cho ông T số tiền lương trong những ngày ông T không làm việc là 17 tháng, tương ứng với số tiền 119.000.000 (Một trăm mười chín triệu) đồng và bồi thường cho ông T 02 tháng tiền lương tương ứng là 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng, Công ty H không đồng ý.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn có ông Lý Ngọc T1 cho rằng Công ty H đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật với ông T nên ông T yêu cầu Công ty H:

- Nhận ông Nguyễn Trí T trở lại làm việc;
- Trả cho ông Nguyễn Trí T tiền lương trong những ngày ông T không làm việc (Từ ngày 22/3/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 12/9/2019) là 17 tháng 20 ngày, làm tròn là 17 tháng, tương ứng với số tiền 17 tháng x 7.000.000 đồng = 119.000.000 (Một trăm mười chín triệu) đồng;
- Bồi thường cho ông T 02 tháng tiền lương tương ứng là 2 tháng x 7.000.000 đồng = 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng;

Tổng cộng số tiền Công ty H trả cho ông T là 133.000.000 (Một trăm ba mươi ba triệu) đồng.

Ngoài ra, Công ty H đã chốt sổ bảo hiểm đến tháng 3/2018 và trả sổ bảo hiểm cho ông T nên ông T không yêu cầu Công ty H toán số tiền bảo hiểm (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế) trong những ngày ông T không được làm việc và không có yêu cầu Công ty H trả khoản tiền vi phạm thời gian báo trước khi chấm dứt hợp đồng lao động với ông T.

Bị đơn có bà Liêu Mỹ H đại diện theo ủy cho rằng việc Công ty H ban hành Quyết định số 09/2018/QĐ ngày 22/3/2018 về việc chấp nhận cho nhân viên thôi việc để chấm dứt hợp đồng lao động với ông T là đúng quy định nên Công ty H chỉ đồng ý nhận ông T trở lại làm việc còn các yêu cầu khác phía Công ty H không đồng ý. Công ty H xác nhận đã chốt sổ bảo hiểm đến tháng 3/2018 và trả sổ bảo hiểm cho ông T.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý

vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên, về thời hạn chuẩn bị xét xử đã vi phạm quy định tại điểm a khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân Quận 2 cần rút kinh nghiệm.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Trí T. Đối với việc trả tiền tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày không được làm việc và tiền vi phạm thời gian báo trước do ông T không yêu cầu Công ty H phải trả nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về mặt tố tụng:

Ông Nguyễn Trí T khởi kiện về đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của Công ty H, theo điểm a khoản 1 Điều 32 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì đây là tranh chấp về lao động nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Công ty H có địa chỉ tại Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

Về nội dung vụ án:

[1] Về thời hiệu khởi kiện: Yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Trí T về đơn phương chấm dứt hợp đồng là tranh chấp lao động cá nhân nên thời hiệu khởi kiện là 01 năm theo quy định tại khoản 2 Điều 202 Bộ luật Lao động. Ngày 22/3/2018, Công ty H ban hành Quyết định số 09/2018/QĐ về chấp nhận cho nhân viên thôi việc đối với ông Nguyễn Trí T, cùng ngày ông T nhận được quyết định và ngày 27/2/2019, ông T nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân Quận 2. Như vậy, yêu cầu khởi kiện của ông T còn trong thời hiệu khởi kiện. Đồng thời theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Lao động thì yêu cầu khởi kiện về việc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động của ông T không bắt buộc phải qua thủ tục hòa giải cơ sở.

[2]. Về hợp đồng lao động:

Nguyên đơn và bị đơn đều xác định ngày 01/11/2016, ông Nguyễn Trí T và Công ty H có bà Nguyễn Thị Thu T là đại diện theo pháp luật cùng thống nhất thỏa thuận ký kết hợp đồng lao động số 15/2016/HĐLĐ. Theo hợp đồng lao động đã ký kết đây là loại hợp đồng lao động xác định thời hạn 01 năm, có hiệu lực kể từ ngày 01/11/2016, là nhân viên tài xế, công việc theo sự phân công của Ban Giám đốc, mức lương và phụ cấp là 7.000.000 (Bảy triệu) đồng/ 01 tháng. Khi hết

hạn hợp đồng lao động đã ký kết, giữa ông T với Công ty H không ký kết hợp đồng lao động mới nhưng ông T vẫn tiếp tục làm việc bình thường như hợp đồng lao động đã ký kết. Theo quy định tại khoản 2 Điều 22 Bộ luật Lao động thì hợp đồng lao động đã giao kết giữa ông T với Công ty H trở thành hợp đồng không xác định thời hạn.

[3] Nguyên đơn cho rằng ngày 22/3/2018, Công ty H ban hành Quyết định số 09/2018/QĐ về chấp nhận cho nhân viên thôi việc đối với ông Nguyễn Trí T là Công ty H đã đơn phương chấm dứt hợp đồng trái pháp luật với ông T, Hội đồng xét xử xét thấy: Theo ông T trình bày, ông T vào làm việc tại Công ty từ ngày 01/11/2016, là nhân viên tài xế. Trong quá trình làm việc, ông T không hề xảy ra vi phạm gì nhưng Công ty H đã ban hành Quyết định số 09/2018/QĐ trên cơ sở cơ sở chấp thuận cho ông T thôi việc dù không được sự đồng ý của ông T. Phía Công ty H cho rằng, trong quá trình làm việc, ông T thường xuyên không hoàn thành công việc mặc dù Công ty đã nhắc nhở nhiều lần. Theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 38 Bộ luật Lao động thì người sử dụng lao động có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trong trường hợp: “Người lao động thường xuyên không hoàn thành công việc theo hợp đồng lao động”. Tuy nhiên, việc Công ty Công ty H cho rằng ông T thường xuyên không hoàn thành công việc nhưng lại không có tài liệu chứng cứ để chứng minh. Công ty thừa nhận có nhắc nhở ông T nhưng Công ty không lập biên bản về việc ông T không hoàn thành công việc, đồng thời phía ông T không thừa nhận việc này. Ngoài ra, tại Điều 1 Quyết định thôi việc số 09/2018/QĐ ngày 22/3/2018 của Công ty H quyết định “Nay chấp thuận cho ông Nguyễn Trí T-nhân viên tài xế... thôi việc kể từ ngày 22/3/2018” phía Công ty cho rằng vì ông T không hoàn thành công việc nhưng để tạo điều kiện cho ông T trong quá trình đi xin việc sau này nên tại Quyết định số 09/2018/QĐ, Công ty H mới ghi “Nay chấp thuận cho ông T thôi việc” nhưng sự việc này không được ông T thừa nhận.

Từ nhận định trên cho thấy việc Công ty H ban hành Quyết định số 09/2018/QĐ ngày 22/3/2018 về việc chấp nhận cho nhân viên thôi việc đối với ông Nguyễn Trí T là không đúng quy định của pháp luật. Do đó, xét hủy Quyết định số 09/2018/QĐ ngày 22/3/2018 về việc chấp nhận cho nhân viên thôi việc của Công ty H.

[4] Do Công ty H đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động trái pháp luật phải thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng lao động theo quy định tại Điều 42 Bộ luật Lao động. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn – ông Nguyễn Trí T chỉ yêu cầu Công ty H: Nhận ông Nguyễn Trí T trở lại làm việc; trả cho ông T số tiền lương trong những ngày ông T không làm việc (Từ ngày 22/3/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 12/9/2019) là 17 tháng 20 ngày nhưng làm tròn là 17 tháng với số tiền 119.000.000 đồng; bồi thường cho ông T 02 tháng tiền lương và Th theo mức lương thỏa thuận trong hợp đồng là 7.000.000 (Bảy triệu)

đồng. Về việc trả tiền tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày không được làm việc và tiền vi phạm thời gian báo trước ông T không yêu cầu, Hội đồng xét xử, xét thấy:

- Đối với yêu cầu Công ty H nhận ông Nguyễn Trí T trở lại làm việc thì tại phiên tòa Công ty H đồng ý nhận ông T lại làm việc nên ông T trở lại Công ty H làm việc theo hợp đồng lao động đã được giao kết giữa ông T với Công ty Han Hevy.

- Đối với yêu cầu Công ty Công ty H trả cho ông T số tiền lương trong những ngày ông T không làm việc (Từ ngày 22/3/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 12/9/2019) là 17 tháng 20 ngày, làm tròn là 17 tháng, tương ứng với số tiền 17 tháng x 7.000.000 đồng = 119.000.000 (Một trăm mười chín triệu) đồng; bồi thường cho ông T 02 tháng tiền lương tương ứng là 2 tháng x 7.000.000 đồng = 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng. Tổng cộng số tiền Công ty Công ty H trả cho ông T là 133.000.000 (Một trăm ba mươi ba triệu) đồng là có cơ sở chấp nhận.

- Đối với việc trả tiền bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế trong những ngày không được làm việc và tiền vi phạm thời gian báo trước do ông T không yêu cầu Công ty H phải trả nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí lao động sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn Trí T được chấp nhận nên Công ty H phải chịu án phí lao động sơ thẩm là 3.990.000 (Ba triệu chín trăm chín mươi nghìn) đồng .

Ghi nhận ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về thủ tục tố tụng: Xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thủ tục thông báo, tổng đạt các văn bản tố tụng giải quyết vụ án theo quy định pháp luật và về việc rút kinh nghiệm do vụ án vi phạm thời hạn chuẩn bị xét xử được quy định tại khoản 1 Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết nội dung vụ án: Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 là phù hợp quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điểm a khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Điều 22; Điều 38; Điều 41; Điều 42; Điều 201 và Điều 202 Bộ luật lao động;

- Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Luật Thi hành án dân sự;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Trí T:

1.1. Hủy Quyết định số 09/2018/QĐ ngày 22/3/2018 về chấp nhận cho nhân viên thôi việc của Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ H. Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ H nhận ông Nguyễn Trí T trở lại làm việc theo hợp đồng lao động đã giao kết.

1.2. Buộc Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ H trả cho ông Nguyễn Trí T số tiền là 133.000.000 (Một trăm ba mươi ba triệu) đồng, bao gồm: Tiền lương trong những ngày ông T không làm việc (Từ ngày 22/3/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm 12/9/2019) là 17 tháng 20 ngày làm tròn là 17 tháng, tương ứng với số tiền là 119.000.000 (Một trăm mười chín triệu) đồng và bồi thường cho ông T 02 tháng tiền lương tương ứng là 14.000.000 (Mười bốn triệu) đồng. Thanh toán làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Các bên thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền

Kể từ ngày ông Nguyễn Trí T có đơn yêu cầu thi hành án nếu Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ nêu trên, thì hàng tháng Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ H còn phải chịu trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo mức lãi suất chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm, nếu không có thỏa thuận thì mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất giới hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí: Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ H phải chịu là 3.990.000 (Ba triệu chín trăm chín mươi nghìn) đồng

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân TP. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 2;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 2;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ./.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Thu

